

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2016/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 (sau đây gọi là Luật chứng khoán);

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán (đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ) (sau đây gọi là Nghị định số 58/2012/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là Thông tư số 34/2013/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2013/TT-NHNN:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 16 như sau:

“5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được thực hiện mua lại trái phiếu do chính mình phát hành khi có phương án mua lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

chào bán trái phiếu ra công chúng, tổ chức tín dụng do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ phát hành trái phiếu riêng lẻ, phương án mua lại phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại văn bản chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của năm tài chính.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Nguyên tắc phát hành trái phiếu

1. Việc phát hành trái phiếu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tuân thủ quy định tại Thông tư này và các văn bản có liên quan.

2. Việc chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật chứng khoán, Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

3. Việc phát hành trái phiếu riêng lẻ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tuân thủ các điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Riêng điều kiện về đáp ứng yêu cầu tỷ lệ an toàn vốn và các hạn chế khác về đảm bảo an toàn trong hoạt động, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

4. Việc phát hành trái phiếu riêng lẻ của tổ chức tín dụng do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ và chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu.

Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu quy định tại khoản này một lần trong một năm tài chính.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 như sau:

“2. Cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, hoặc Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phê duyệt phương án phát hành trái phiếu căn cứ vào mô hình tổ chức của tổ chức tín dụng và quy định tại Điều lệ tổ chức tín dụng; Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của tổ chức tín dụng được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, phương án phát hành trái phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của năm tài chính của tổ chức tín dụng do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ phát hành trái phiếu riêng lẻ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chào bán trái phiếu ra công chúng

1. Đề nghị chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của năm tài chính do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký.

2. Phương án phát hành trái phiếu của năm tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.

3. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm phát hành được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất. Báo cáo tài chính được kiểm toán phải là báo cáo kiểm toán nêu ý kiến chấp nhận toàn phần. Trường hợp phát hành trước ngày 01 tháng 4 hàng năm chưa có báo cáo tài chính năm của năm liền kề trước năm đề nghị phát hành được kiểm toán thì phải có:

a) Báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước năm liền kề với kết quả hoạt động kinh doanh có lãi;

b) Báo cáo tài chính quý gần nhất với kết quả hoạt động kinh doanh có lãi được kiểm toán (nếu có);

c) Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị phát hành với kết quả hoạt động kinh doanh có lãi được Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên phê duyệt đối với tổ chức tín dụng; Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc phê duyệt đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn của năm tài chính.

5. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chào bán trái phiếu ra công chúng thì báo cáo về lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán, nợ phải trả quá hạn trên một năm (nếu có).

6. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng Điều lệ và bản sao Giấy phép đối với tổ chức tín dụng phát hành trái phiếu lần đầu; bản sao Giấy phép thành lập đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trái phiếu lần đầu.

7. Phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong đó phải có các nội dung theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về thay đổi mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (đối với trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền).

8. Các tài liệu khác có liên quan đến điều kiện phát hành trái phiếu (nếu có).”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Thủ tục chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của năm tài chính

1. Tổ chức tín dụng do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ phát hành trái phiếu riêng lẻ, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài chào bán trái phiếu ra công chúng gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của năm tài chính quy định tại Điều 22 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước.

2. Đối với đề nghị chấp thuận phương án phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền), trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trả lời bằng văn bản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Đối với đề nghị chấp thuận phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trả lời bằng văn bản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của năm tài chính của tổ chức tín dụng.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Các giới hạn đối với tổ chức tín dụng phát hành và người mua trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền

1. Trường hợp tổ chức tín dụng phát hành có cam kết với người mua trái phiếu chuyển đổi là khi đến hạn phải chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thì:

a) Người mua trái phiếu phải đáp ứng quy định pháp luật hiện hành về giới hạn góp vốn, mua cổ phần ngay từ khi phát hành;

b) Trường hợp phát hành cho nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức tín dụng phát hành phải đáp ứng điều kiện bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật hiện hành ngay từ khi phát hành.

2. Khi đến thời hạn chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc đến thời hạn mua cổ phiếu, người mua trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định hiện hành của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật liên quan.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25 như sau:

“2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tổ chức phát hành trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt, chấp thuận và phải tuân thủ quy định của Luật chứng khoán, Nghị định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn Luật chứng khoán.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 26 như sau:

“3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của năm tài chính.”.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a, c khoản 1 Điều 27 như sau:

“a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét đề nghị chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của năm tài chính của tổ chức tín dụng do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ phát hành trái phiếu riêng lẻ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chào bán trái phiếu ra công chúng để trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định.”.

“c) Tiếp nhận báo cáo kết quả phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”.

10. Sửa đổi, bổ sung điểm a, c khoản 2 Điều 27 như sau:

“a) Cung cấp theo đề nghị của Vụ Chính sách tiền tệ về các nội dung sau:

- Kết quả hoạt động kinh doanh theo báo cáo tài chính được kiểm toán của năm liền kề trước năm phát hành trái phiếu và kết quả hoạt động kinh doanh đến quý gần nhất của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Đánh giá việc chấp hành các tỷ lệ bảo đảm an toàn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

- Việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chào bán trái phiếu ra công chúng đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 12 Luật chứng khoán.

- Đánh giá về tình hình hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài qua quá trình thanh tra, giám sát.”.

“c) Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ xem xét và có ý kiến cụ thể về việc chấp thuận hay không chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của năm tài chính của tổ chức tín dụng do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ phát hành trái phiếu riêng lẻ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chào bán trái phiếu ra công chúng.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 27 như sau:

“3. Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ xem xét và có ý kiến cụ thể về việc chấp thuận hay không chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của năm tài chính của tổ chức tín dụng do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ phát hành trái phiếu riêng lẻ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chào bán trái phiếu ra công chúng.”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.
2. Bãi bỏ Điều 15 Thông tư số 29/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

Nguyễn Thị Hồng